

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 93 /QĐ-VKSHP ngày 12/6/2026 của Viện trưởng VKSND TP Hải Phòng)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí		
	Phí...		
	Phí...		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
I	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ		
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
I	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí		
	Phí...		
	Phí...		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	174,904,969,702	174,904,969,702
I	Nguồn ngân sách trong nước	174,904,969,702	174,904,969,702
1	Chi quản lý hành chính	174,402,369,702	174,402,369,702
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	138,367,155,087	138,367,155,087
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	36,035,214,615	36,035,214,615

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	502,600,000	502,600,000
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	502,600,000	502,600,000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
6	Chi hoạt động kinh tế		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
------	---	--	--

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		VKSND TP Hải Phòng	Khu vực 1	Khu vực 2
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	78,731,107,266	6,011,300,000	7,634,957,300
I	Nguồn ngân sách trong nước	78,731,107,266	6,011,300,000	7,634,957,300
1	Chi quản lý hành chính	78,228,507,266	6,011,300,000	7,634,957,300
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	48,018,444,651	5,643,200,000	7,204,157,300
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	30,210,062,615	368,100,000	430,800,000

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo			
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	502,600,000		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	502,600,000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
------	---	--	--	--

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		Khu vực 3	Khu vực 4	Khu vực 5
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
1	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	9,362,000,000	8,602,000,000	9,655,131,500
I	Nguồn ngân sách trong nước	9,362,000,000	8,602,000,000	9,655,131,500
1	Chi quản lý hành chính	9,362,000,000	8,602,000,000	9,655,131,500
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	8,777,700,000	8,190,400,000	9,108,531,500
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	584,300,000	411,600,000	546,600,000

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo			
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
------	---	--	--	--

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		Khu vực 6	Khu vực 7	Khu vực 8
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
I	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
I	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8,157,557,500	5,907,500,000	8,993,470,136
I	Nguồn ngân sách trong nước	8,157,557,500	5,907,500,000	8,993,470,136
1	Chi quản lý hành chính	8,157,557,500	5,907,500,000	8,993,470,136
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	7,689,757,500	5,580,000,000	8,414,594,136
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	467,800,000	327,500,000	578,876,000

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo			
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
------	---	--	--	--

DVT: đồng

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc		
		Khu vực 9	Khu vực 10	Khu vực 11
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
1	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại			
I	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
I	Lệ phí			
	Lệ phí...			
	Lệ phí...			
2	Phí			
	Phí...			
	Phí...			
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6,810,040,000	7,124,800,000	6,237,730,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	6,810,040,000	7,124,800,000	6,237,730,000
1	Chi quản lý hành chính	6,810,040,000	7,124,800,000	6,237,730,000
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	6,376,140,000	6,670,100,000	5,793,530,000
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	433,900,000	454,700,000	444,200,000

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo			
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo			
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi hoạt động kinh tế			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
------	---	--	--	--

Số TT	Nội dung	Chi tiết các đơn vị trực thuộc	
		Khu vực 12	Khu vực 13
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí		
	Phí...		
	Phí...		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại		
1	Chi sự nghiệp.....		
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
2	Chi quản lý hành chính		
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ		
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ		
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
1	Lệ phí		
	Lệ phí...		
	Lệ phí...		
2	Phí		
	Phí...		
	Phí...		
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	5,708,600,000	5,968,776,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	5,708,600,000	5,968,776,000
1	Chi quản lý hành chính	5,708,600,000	5,968,776,000
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	5,303,500,000	5,597,100,000
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	405,100,000	371,676,000

2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số		
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>		
-	<i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>		
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo		
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo		
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
5	Chi bảo đảm xã hội		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
6	Chi hoạt động kinh tế		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ		

10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ		
------	---	--	--